

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam)

("AIA Việt Nam")

Nghệp vụ: Bảo hiểm liên kết đầu tư

Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung AN PHÚC TRỌN ĐỜI ƯU VIỆT

Bạn có thể chủ động kết hợp linh hoạt giữa hai yếu tố tiết kiệm và yếu tố bảo vệ theo nhu cầu bản thân, giúp bạn yên tâm hoạch định và thực hiện kế hoạch tài chính một cách hiệu quả.

AIA

BẢNG MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Tiết kiệm hiệu quả

- ✓ Thường duy trì hợp đồng vào ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10, 15 và 20.
- ✓ Hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và không thấp hơn mức lãi suất cam kết.

Bảo vệ tài chính trọn đời và toàn diện

- ✓ Bảo vệ trước những rủi ro không lường trước được trong cuộc sống như: Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn, Ung thư, tử vong.
- ✓ Tăng số tiền bảo hiểm vào các thời điểm bước ngoặt cuộc đời (kết hôn, sinh con) mà không cần bằng chứng sức khỏe, tài chính.
- ✓ Lựa chọn tham gia các sản phẩm Bảo hiểm bổ sung/ Bảo hiểm bán kèm để bảo vệ toàn diện trước các rủi ro bệnh hiểm nghèo, chăm sóc sức khỏe, thương tật do tai nạn.

Linh hoạt đáp ứng nhu cầu

- ✓ Linh hoạt đầu tư thêm hoặc rút tiền trong những trường hợp cần thiết.

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ
THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 8.724,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777, email: vn.customer@aia.com

Thông tin chi tiết về địa chỉ Văn phòng/ Trung tâm dịch vụ khách hàng, khách hàng vui lòng tham khảo tại đường dẫn: <https://www.aia.com.vn/vi/dich-vu/van-phong-giao-dich.html>

THÔNG TIN ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

Đại lý bảo hiểm

Họ và tên
Nguyễn Văn B

Mã số đại lý
XXXXXXXX

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Bên mua bảo hiểm

Họ và tên
Nguyễn Văn A

Giới tính
Nam

Tuổi
31

Nghề nghiệp
Hành chính văn phòng

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: đồng

Sản phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi tham gia	Giới tính	Nghề nghiệp	Thời hạn bảo hiểm tối đa (năm)	Thời hạn đóng phí tối đa (năm)	Thời gian đóng phí dự kiến (năm)	Mức thẩm định	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm
Bảo hiểm nhân thọ (BHNT)										
Bảo Hiểm Liên Kết Chung An Phúc Trọn Đời Ưu Việt - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản	Nguyễn Văn A	31	Nam	Hành chính văn phòng	69	69	20	Chuẩn	1.500.000.000	30.000.000

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Định kỳ đóng phí	Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm BHNT	30.000.000	-	-	-
Phí bảo hiểm các sản phẩm BHBS/ BHBK	-	-	-	-
Tổng phí bảo hiểm định kỳ	30.000.000	-	-	-
Phí tích lũy dự kiến (^):	-			

Định kỳ đóng phí dự kiến: Năm

Lưu ý:

- Kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023, các sản phẩm bảo hiểm được bán kèm với bảo hiểm nhân thọ được Bộ Tài chính phê chuẩn sẽ sử dụng thuật ngữ sản phẩm “Bảo hiểm bán kèm”.
 - Sản phẩm “Bảo hiểm bổ sung” đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước ngày 01 tháng 07 năm 2023 vẫn tiếp tục được sử dụng thuật ngữ này trong Hợp đồng bảo hiểm.
 - Tổng phí bảo hiểm (Phí BH) theo định kỳ hiển thị là phí bảo hiểm theo định kỳ đã chọn trong năm hợp đồng đầu tiên và yêu cầu phải được đóng đủ. Thời gian đóng phí bảo hiểm cơ bản bắt buộc của sản phẩm BHNT là 4 năm hợp đồng đầu tiên. Trong thời gian này, hợp đồng sẽ được đảm bảo duy trì hiệu lực với điều kiện quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.
 - Từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi, trong trường hợp phí bảo hiểm của sản phẩm BHBS/BHBK (nếu có) không được đóng đủ khi hết thời gian gia hạn đóng phí, khoản phí bảo hiểm này sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm BHNT với sự đồng ý của khách hàng. Nếu giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm BHNT không đủ để khấu trừ phí bảo hiểm của sản phẩm BHBS/BHBK, các sản phẩm BHBS/BHBK này sẽ mất hiệu lực.
 - Trường hợp khách hàng không đồng ý việc khấu trừ giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm BHNT để đóng phí cho sản phẩm BHBS/BHBK và không đóng đủ phí bảo hiểm cho các sản phẩm BHBS/BHBK trước khi kết thúc thời gian gia hạn, các sản phẩm này sẽ chấm dứt hiệu lực và không được khôi phục.
 - Khách hàng truy cập trang thông tin điện tử www.aia.com.vn để tham khảo quy tắc điều khoản và công cụ tính toán của sản phẩm bảo hiểm.
- (^) Phí tích lũy dự kiến cho năm đầu, phí tích lũy cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang minh họa của sản phẩm BHNT.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 3 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



**SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN**

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TÓM TẮT THÔNG TIN QUYỀN LỢI SẢN PHẨM

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠM THỜI

Nếu NĐBH tử vong do tai nạn trong thời gian bảo hiểm tạm thời, khách hàng sẽ nhận 100.000.000 đồng hoặc tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm (HSYCBH) của cùng một NĐBH, tùy số nào nhỏ hơn. Trong trường hợp tổng phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng (tổng phí bảo hiểm tạm tính tại thời điểm nộp HSYCBH) của tất cả các hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của cùng NĐBH lớn hơn 100.000.000 đồng thì chúng tôi sẽ hoàn lại tổng phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng, không có lãi, sau khi đã trừ các chi phí kiểm tra y tế, nếu có.

Thời hạn bảo hiểm tạm thời bắt đầu từ khi BMBH hoàn tất HSYCBH và đóng đủ khoản phí đầu tiên và kết thúc vào ngày Công ty cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc từ chối chấp nhận bảo hiểm hoặc BMBH yêu cầu hủy bỏ HSYCBH, tùy ngày nào đến trước.

Trong trường hợp bảo hiểm tạm thời được chấp thuận chi trả, chúng tôi sẽ không có nghĩa vụ hoàn lại phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng.

Bảo hiểm tạm thời sẽ không được chi trả trong trường hợp NĐBH tự tử, dù trong trạng thái tinh táo hay mất trí. Trong trường hợp này chúng tôi sẽ hoàn lại tổng phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi trừ đi chi phí kiểm tra y tế, nếu có.

QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BHNT

1. Quyền lợi NĐBH tử vong (quyền lợi được bảo đảm)

Nếu NĐBH tử vong, khách hàng sẽ nhận được số tiền lớn hơn giữa:

- ✓ Giá trị tài khoản của hợp đồng được tính tại thời điểm tử vong; hoặc
- ✓ Số tiền bảo hiểm (STBH) hiện tại được tính tại thời điểm tử vong.

Trừ đi quyền lợi bảo hiểm ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

2. Quyền lợi khi NĐBH tử vong do tai nạn (quyền lợi được bảo đảm)

Ngoài quyền lợi khi NĐBH tử vong, khách hàng sẽ nhận được thêm 100% STBH hiện tại nếu NĐBH tử vong do tai nạn trước khi tròn 65 tuổi nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện liên quan đến quyền lợi tử vong do tai nạn được quy định trong Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm. Tổng quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn của tất cả các HDBH với chúng tôi mà một Người được bảo hiểm được hưởng bao gồm cả Quyền lợi được hưởng thêm này không vượt quá hạn mức tối đa theo quy định nêu tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Lưu ý: Quyền lợi liên quan đến tử vong do tai nạn tối đa theo quy định của Công ty hiện tại là 10 tỷ đồng.

3. Quyền lợi đối với NĐBH không hút thuốc lá (quyền lợi được bảo đảm)

Ngoài quyền lợi khi NĐBH tử vong, khách hàng sẽ được nhận thêm 10% STBH hiện tại nếu vào thời điểm tử vong NĐBH từ 15 (mười lăm) tuổi trở lên và được xác định không hút thuốc lá.

4. Quyền lợi khi NĐBH bị Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) (quyền lợi được bảo đảm)

Nếu NĐBH bị TTTB&VV trước khi tròn 70 tuổi, khách hàng sẽ nhận được số tiền lớn hơn giữa:

- ✓ Giá trị tài khoản của hợp đồng được tính tại thời điểm TTTB&VV; hoặc
- ✓ Số tiền bảo hiểm (STBH) hiện tại được tính tại thời điểm TTTB&VV.

Trừ đi quyền lợi bảo hiểm Ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

5. Quyền lợi khi NĐBH mắc bệnh Ung thư (quyền lợi được bảo đảm)

Khách hàng sẽ nhận trước 25% Số tiền bảo hiểm hiện tại của quyền lợi bảo hiểm tử vong nếu NĐBH mắc bệnh Ung thư trước khi tròn 65 tuổi.

Tổng quyền lợi bảo hiểm liên quan đến bệnh hiểm nghèo và bệnh ung thư của tất cả các Hợp đồng bảo hiểm với AIA mà một NĐBH được hưởng, bao gồm cả quyền lợi ung thư theo sản phẩm này không vượt quá hạn mức tối đa theo quy định nêu tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Lưu ý: Quyền lợi liên quan đến bệnh hiểm nghèo và bệnh ung thư tối đa theo quy định của Công ty hiện tại là 10 tỷ đồng.

6. Quyền lợi đầu tư cùng Quỹ liên kết chung

- ✓ Đầu tư cùng Quỹ liên kết chung với chiến lược đầu tư thận trọng và dài hạn nhằm mục tiêu đạt được lợi nhuận đầu tư ổn định, đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán.
- ✓ Tỷ lệ phân bổ phí bảo hiểm vào giá trị tài khoản để hưởng quyền lợi đầu tư như sau

Năm đóng phí	1	2	3	4	Từ 5 trở đi
Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm cơ bản	10%	20%	70%	80%	98.5%

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 4 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

Năm đóng phí	1	2	3	4	Từ 5 trở đi
Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm đóng thêm	100%				

- ✓ Quyền lợi đầu tư bảo đảm: Chúng tôi cam kết mức lãi suất tối thiểu tích lũy vào tài khoản của khách hàng như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9+
Lãi suất cam kết tối thiểu	5,0%	5,0%	4,5%	4,5%	4,0%	3,5%	3,0%	2,5%	2,0%

- ✓ Quyền lợi đầu tư không bảo đảm: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy của khách hàng có thể thay đổi tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

Mức lãi suất sẽ được Công ty công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Khách hàng tham khảo thông tin/ báo cáo về hoạt động của quỹ tại đường dẫn www.aia.com.vn/vi/san-pham/lai-suot-va-gia-don-vi-quy.html

7. Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng (quyền lợi được bảo đảm)

Vào ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ mười, một khoản Thưởng duy trì hợp đồng tương đương với 100% Tổng số tiền tính thưởng sẽ được phân bổ vào GTTK cơ bản. Tương tự, vào các ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ 15 và 20, khoản Thưởng duy trì hợp đồng sẽ tương đương với 10% Tổng số tiền tính thưởng. Để được hưởng quyền lợi này phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện liên quan đến quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng được quy định trong Quy tắc và điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Tổng số tiền tính thưởng là tổng khoản lãi cộng dồn được tính tại ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 6 đến ngày kỷ niệm thứ 10 trong đó khoản lãi của mỗi năm hợp đồng này sẽ được tính bằng 50% khoản lãi được tích lũy vào GTTK cơ bản trong vòng 5 năm trước đó.

8. Quyền lợi đáo hạn (quyền lợi được bảo đảm)

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Khách hàng sẽ nhận được toàn bộ GTTK của hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn nếu HDBH còn hiệu lực và NDBH còn sống vào thời điểm đáo hạn.

Lưu ý: Trường hợp NDBH tử vong hoặc TTTB&VV dưới 4 (bốn) tuổi, STBH hiện tại sẽ sử dụng để chi trả được điều chỉnh như sau:

Tuổi của Người được bảo hiểm vào thời điểm tử vong hoặc bị TTTB&VV	Số tiền bảo hiểm hiện tại được điều chỉnh
Dưới 1 tuổi	20% Số tiền bảo hiểm hiện tại
Từ 1 tuổi đến dưới 2 tuổi	40% Số tiền bảo hiểm hiện tại
Từ 2 tuổi đến dưới 3 tuổi	60% Số tiền bảo hiểm hiện tại
Từ 3 tuổi đến dưới 4 tuổi	80% Số tiền bảo hiểm hiện tại

9. Quyền chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm cơ bản sang Quyền lợi bảo hiểm nâng cao

Khách hàng có thể yêu cầu chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm cơ bản sang Quyền lợi bảo hiểm nâng cao:

- ✓ Kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 (hai) và trong thời gian HDBH còn hiệu lực; và
- ✓ Trước khi NDBH tròn 35 (ba mươi lăm) tuổi, với điều kiện tuổi của NDBH vào ngày có hiệu lực của hợp đồng là dưới 18 (mười tám) tuổi.
- ✓ Tối đa 1 (một) lần trong suốt thời hạn hợp đồng.

10. Loại trừ bảo hiểm

Công ty sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra do bất cứ trường hợp nào được quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản (các) sản phẩm bảo hiểm mà khách hàng tham gia. Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm này được công bố trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn

QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

1. Quyền thay đổi STBH
2. Quyền đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con)
3. Quyền rút tiền từ Giá trị tài khoản

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 5 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ

CÁC LOẠI CHI PHÍ

- Chi phí bảo hiểm rủi ro:** là chi phí để chúng tôi thực hiện cam kết đối với các quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Phụ thuộc vào tuổi và giới tính của NĐBH, STBH và lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm.
- Chi phí ban đầu:** là chi phí sẽ khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản và phí tích lũy trước khi phân bổ vào Quỹ liên kết chung. Mức chi phí này thay đổi theo năm đóng phí

Năm đóng phí	1	2	3	4	5+
Phí bảo hiểm cơ bản	90%	80%	30%	20%	1,5%
Phí tích lũy	0%	0%	0%	0%	0%

- Chi phí quản lý hợp đồng:** 30.000 đồng/tháng (360.000 đồng/năm).
Mức chi phí này có thể thay đổi, tối đa là 60.000 đồng/tháng.
- Chi phí quản lý quỹ:** tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung. Chi phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi chúng tôi công bố lãi suất tích lũy.
- Chi phí hủy bỏ hợp đồng:** Không có.
- Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản:** Không có.

Các loại chi phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 6 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

- Mục tiêu và chính sách đầu tư: đầu tư thận trọng và dài hạn nhằm mục tiêu đạt được lợi nhuận đầu tư ổn định, đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán.
- Cơ cấu tài sản đầu tư: Nhằm đảm bảo chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ liên kết chung, Công ty sẽ lựa chọn đầu tư vào các tài sản đầu tư có khả năng mang lại lợi nhuận ổn định như trái phiếu chính phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng.
- Lãi suất công bố trong 5 năm gần nhất:

Năm	Lãi suất công bố
Năm 2018	5,94%
Năm 2019	5,48%
Năm 2020	5,12%
Năm 2021	4,86%
Năm 2022	4,22%
Năm 2023	4,93%
Năm 2024	4,79%

Ghi chú: Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung trong quá khứ chỉ cho mục đích tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động trong tương lai.

- Mức chi phí quản lý quỹ để tính ra Lãi suất công bố: Chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.
- Vui lòng tham khảo Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm để có thông tin chi tiết về quyền lợi đầu tư của sản phẩm bảo hiểm.

Lưu ý:

Mức lãi suất dự kiến thể hiện trong các bảng minh họa bên dưới là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo. **Trong trường hợp mức lãi suất dự kiến thấp hơn lãi suất Công ty cam kết tại năm hợp đồng, quyền lợi bảo hiểm của năm đó sẽ được minh họa dựa trên mức lãi suất cam kết**

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 7 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3%	Mức lãi suất 4,7%
1	30.000		30.000		27.000		27.000	3.000		3.000	360	3.357	3.357	3.357
2	30.000		30.000		24.000		24.000	6.000		6.000	360	3.442	3.442	3.442
3	30.000		30.000		9.000		9.000	21.000		21.000	360	3.564	3.564	3.564
4	30.000		30.000		6.000		6.000	24.000		24.000	360	3.702	3.702	3.701
5	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	3.817	3.817	3.816
6	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	3.881	3.881	3.878
7	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	3.994	3.994	3.986
8	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	4.111	4.110	4.094
9	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	4.233	4.228	4.201
10	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	4.333	4.321	4.280
11	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	4.304	4.267	4.141
12	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	4.433	4.382	4.223
13	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	4.583	4.515	4.314
14	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	4.807	4.716	4.461
15	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	4.988	4.869	4.552
16	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	5.172	5.018	4.613
17	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	5.565	5.362	4.845
18	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	5.920	5.661	5.009
19	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	6.189	5.865	5.060
20	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	6.868	6.440	5.388

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

Trang 8 | 29

Ngày giờ lập:

Phiên bản
Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3%	Mức lãi suất 4,7%
Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 2%)														
21	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	7.263	6.746	5.475
25	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	9.949	9.005	6.681
30	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	11.410	9.720	5.558
35	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	11.942	8.663	588
40	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	7.589	1.365	
45	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360			
50	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360			
55	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360			
60	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360			
65	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360			
66	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360			
67	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360			
68	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360			
69	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360			

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 9 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT

TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	31	30.000	3.000		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	32	30.000	6.000		1.500.000	3.000.000	375.000		1.701		1.701
3	33	30.000	21.000		1.500.000	3.000.000	375.000		19.703		19.703
4	34	30.000	24.000		1.500.000	3.000.000	375.000		41.510		41.510
5	35	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		69.636		69.636
6	36	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		98.336		98.336
7	37	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		127.298		127.298
8	38	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		156.238		156.238
9	39	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		184.861		184.861
10	40	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	36.904	250.859		250.859
11	41	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		281.303		281.303
12	42	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		312.225		312.225
13	43	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		343.614		343.614
14	44	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		375.404		375.404
15	45	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	3.690	411.337		411.337
16	46	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		444.113		444.113
17	47	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		477.148		477.148
18	48	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		510.484		510.484
19	49	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		544.215		544.215
20	50	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	3.690	581.625		581.625

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 10 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
25	55	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		752.211		752.211
30	60	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		927.600		927.600
35	65	30.000	29.550		1.500.000	1.500.000			1.118.376		1.118.376
40	70	30.000	29.550		1.500.000	1.500.000			1.338.260		1.338.260
45	75	30.000	29.550		1.622.578	1.622.578			1.622.578		1.622.578
50	80	30.000	29.550		1.946.418	1.946.418			1.946.418		1.946.418
55	85	30.000	29.550		2.303.964	2.303.964			2.303.964		2.303.964
60	90	30.000	29.550		2.698.724	2.698.724			2.698.724		2.698.724
65	95	30.000	29.550		3.134.571	3.134.571			3.134.571		3.134.571
66	96	30.000	29.550		3.227.039	3.227.039			3.227.039		3.227.039
67	97	30.000	29.550		3.321.357	3.321.357			3.321.357		3.321.357
68	98	30.000	29.550		3.417.561	3.417.561			3.417.561		3.417.561
69	99	30.000	29.550		3.515.690	3.515.690			3.515.690		3.515.690

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 11 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3%						
					Quyền lợi TTTT&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	31	30.000	3.000		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	32	30.000	6.000		1.500.000	3.000.000	375.000		1.701		1.701
3	33	30.000	21.000		1.500.000	3.000.000	375.000		19.703		19.703
4	34	30.000	24.000		1.500.000	3.000.000	375.000		41.510		41.510
5	35	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		69.636		69.636
6	36	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		98.336		98.336
7	37	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		127.298		127.298
8	38	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		157.011		157.011
9	39	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		187.496		187.496
10	40	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	41.018	259.818		259.818
11	41	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		293.347		293.347
12	42	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		327.765		327.765
13	43	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		363.081		363.081
14	44	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		399.252		399.252
15	45	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	4.102	440.454		440.454
16	46	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		478.639		478.639
17	47	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		517.620		517.620
18	48	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		557.467		557.467
19	49	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		598.301		598.301
20	50	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	4.102	643.879		643.879

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 12 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3%						
					Quyền lợi TTTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 2%)											
21	51	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		679.714		679.714
25	55	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		824.670		824.670
30	60	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		1.014.766		1.014.766
35	65	30.000	29.550		1.500.000	1.500.000			1.227.580		1.227.580
40	70	30.000	29.550		1.500.000	1.500.000			1.484.110		1.484.110
45	75	30.000	29.550		1.793.539	1.793.539			1.793.539		1.793.539
50	80	30.000	29.550		2.135.173	2.135.173			2.135.173		2.135.173
55	85	30.000	29.550		2.512.365	2.512.365			2.512.365		2.512.365
60	90	30.000	29.550		2.928.815	2.928.815			2.928.815		2.928.815
65	95	30.000	29.550		3.388.610	3.388.610			3.388.610		3.388.610
66	96	30.000	29.550		3.486.159	3.486.159			3.486.159		3.486.159
67	97	30.000	29.550		3.585.659	3.585.659			3.585.659		3.585.659
68	98	30.000	29.550		3.687.150	3.687.150			3.687.150		3.687.150
69	99	30.000	29.550		3.790.670	3.790.670			3.790.670		3.790.670

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 13 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,7%						
					Quyền lợi TTTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	31	30.000	3.000		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	32	30.000	6.000		1.500.000	3.000.000	375.000		1.701		1.701
3	33	30.000	21.000		1.500.000	3.000.000	375.000		19.745		19.745
4	34	30.000	24.000		1.500.000	3.000.000	375.000		41.637		41.637
5	35	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		70.251		70.251
6	36	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		100.146		100.146
7	37	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		131.336		131.336
8	38	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		163.882		163.882
9	39	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		197.847		197.847
10	40	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	59.326	292.653		292.653
11	41	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		332.732		332.732
12	42	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		374.610		374.610
13	43	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		418.363		418.363
14	44	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		464.022		464.022
15	45	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	5.933	517.666		517.666
16	46	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		567.835		567.835
17	47	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		620.125		620.125
18	48	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		674.705		674.705
19	49	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		731.797		731.797
20	50	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	5.933	797.169		797.169

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 14 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,7%						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 2%)											
21	51	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		837.356		837.356
25	55	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		1.003.090		1.003.090
30	60	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		1.229.398		1.229.398
35	65	30.000	29.550		1.500.000	1.500.000			1.496.479		1.496.479
40	70	30.000	29.550		1.807.195	1.807.195			1.807.195		1.807.195
45	75	30.000	29.550		2.150.250	2.150.250			2.150.250		2.150.250
50	80	30.000	29.550		2.529.011	2.529.011			2.529.011		2.529.011
55	85	30.000	29.550		2.947.194	2.947.194			2.947.194		2.947.194
60	90	30.000	29.550		3.408.901	3.408.901			3.408.901		3.408.901
65	95	30.000	29.550		3.918.664	3.918.664			3.918.664		3.918.664
66	96	30.000	29.550		4.026.814	4.026.814			4.026.814		4.026.814
67	97	30.000	29.550		4.137.128	4.137.128			4.137.128		4.137.128
68	98	30.000	29.550		4.249.647	4.249.647			4.249.647		4.249.647
69	99	30.000	29.550		4.364.417	4.364.417			4.364.417		4.364.417

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

Trang 15 | 29

Ngày giờ lập:

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3%	Mức lãi suất 4,7%
1	30.000		30.000		27.000		27.000	3.000		3.000	360	3.357	3.357	3.357
2	30.000		30.000		24.000		24.000	6.000		6.000	360	3.442	3.442	3.442
3	30.000		30.000		9.000		9.000	21.000		21.000	360	3.564	3.564	3.564
4	30.000		30.000		6.000		6.000	24.000		24.000	360	3.702	3.702	3.701
5	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	3.817	3.817	3.816
6	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	3.881	3.881	3.878
7	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	3.994	3.994	3.986
8	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	4.111	4.110	4.094
9	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	4.233	4.228	4.201
10	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	4.333	4.321	4.280
11	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	4.304	4.267	4.141
12	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	4.433	4.382	4.223
13	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	4.583	4.515	4.314
14	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	4.807	4.716	4.461
15	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	4.988	4.869	4.552
16	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	5.172	5.018	4.613
17	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	5.565	5.362	4.845
18	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	5.920	5.661	5.009
19	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	6.189	5.865	5.060
20	30.000		30.000		450		450	29.550		29.550	360	6.868	6.440	5.388

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

Trang 16 | 29

Ngày giờ lập:

Phiên bản
Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3%	Mức lãi suất 4,7%
Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 2%)														
21											360	7.508	6.992	5.720
25											360	12.064	11.120	8.796
30											360	18.411	16.721	12.559
35											360	30.639	27.360	19.285
40											360	50.639	44.415	29.089
45											360	88.364	76.177	46.168
46											360	(*)	88.807	53.014
48											360		(*)	71.530
50											360			99.561
53											(*)			(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 17 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	31	30.000	3.000		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	32	30.000	6.000		1.500.000	3.000.000	375.000		1.701		1.701
3	33	30.000	21.000		1.500.000	3.000.000	375.000		19.703		19.703
4	34	30.000	24.000		1.500.000	3.000.000	375.000		41.510		41.510
5	35	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		69.636		69.636
6	36	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		98.336		98.336
7	37	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		127.298		127.298
8	38	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		156.238		156.238
9	39	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		184.861		184.861
10	40	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	36.904	250.859		250.859
11	41	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		281.303		281.303
12	42	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		312.225		312.225
13	43	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		343.614		343.614
14	44	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		375.404		375.404
15	45	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	3.690	411.337		411.337
16	46	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		444.113		444.113
17	47	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		477.148		477.148
18	48	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		510.484		510.484
19	49	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		544.215		544.215

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 18 | 29
Phiên bản
Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
20	50	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	3.690	581.625		581.625
25	55				1.500.000	3.000.000	375.000		589.834		589.834
30	60				1.500.000	3.000.000	375.000		566.547		566.547
35	65				1.500.000	1.500.000			495.736		495.736
40	70				1.500.000	1.500.000			329.466		329.466
45	75				1.500.000	1.500.000			7.568		7.568
46	76								(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3%						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	31	30.000	3.000		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	32	30.000	6.000		1.500.000	3.000.000	375.000		1.701		1.701
3	33	30.000	21.000		1.500.000	3.000.000	375.000		19.703		19.703
4	34	30.000	24.000		1.500.000	3.000.000	375.000		41.510		41.510
5	35	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		69.636		69.636
6	36	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		98.336		98.336
7	37	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		127.298		127.298
8	38	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		157.011		157.011
9	39	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		187.496		187.496
10	40	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	41.018	259.818		259.818
11	41	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		293.347		293.347
12	42	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		327.765		327.765
13	43	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		363.081		363.081
14	44	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		399.252		399.252
15	45	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	4.102	440.454		440.454
16	46	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		478.639		478.639
17	47	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		517.620		517.620
18	48	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		557.467		557.467
19	49	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		598.301		598.301

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 20 | 29

Phiên bản
Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3%						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
20	50	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	4.102	643.879		643.879
<i>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 2%)</i>											
21	51				1.500.000	3.000.000	375.000		649.325		649.325
25	55				1.500.000	3.000.000	375.000		662.293		662.293
30	60				1.500.000	3.000.000	375.000		653.713		653.713
35	65				1.500.000	1.500.000			604.940		604.940
40	70				1.500.000	1.500.000			475.316		475.316
45	75				1.500.000	1.500.000			215.632		215.632
48	78								(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,7%						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	31	30.000	3.000		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	32	30.000	6.000		1.500.000	3.000.000	375.000		1.701		1.701
3	33	30.000	21.000		1.500.000	3.000.000	375.000		19.745		19.745
4	34	30.000	24.000		1.500.000	3.000.000	375.000		41.637		41.637
5	35	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		70.251		70.251
6	36	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		100.146		100.146
7	37	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		131.336		131.336
8	38	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		163.882		163.882
9	39	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		197.847		197.847
10	40	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	59.326	292.653		292.653
11	41	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		332.732		332.732
12	42	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		374.610		374.610
13	43	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		418.363		418.363
14	44	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		464.022		464.022
15	45	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	5.933	517.666		517.666
16	46	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		567.835		567.835
17	47	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		620.125		620.125
18	48	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		674.705		674.705
19	49	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000		731.797		731.797

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 22 | 29

Phiên bản
Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,7%						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
20	50	30.000	29.550		1.500.000	3.000.000	375.000	5.933	797.169		797.169
<i>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 2%)</i>											
21	51				1.500.000	3.000.000	375.000		806.967		806.967
25	55				1.500.000	3.000.000	375.000		840.712		840.712
30	60				1.500.000	3.000.000	375.000		868.345		868.345
35	65				1.500.000	1.500.000			873.839		873.839
40	70				1.500.000	1.500.000			834.449		834.449
45	75				1.500.000	1.500.000			727.957		727.957
50	80				1.500.000	1.500.000			415.544		415.544
53	83								(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm chính đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm chính		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3%	Mức lãi suất 4,7%
1	30.000		30.000		27.000		27.000	3.000		3.000	360	3.357	3.357	3.357
2	30.000		30.000		24.000		24.000	6.000		6.000	360	3.442	3.442	3.442
3	30.000		30.000		9.000		9.000	21.000		21.000	360	3.564	3.564	3.564
4	30.000		30.000		6.000		6.000	24.000		24.000	360	3.702	3.702	3.701
5											360	3.898	3.898	3.897
6											360	4.052	4.052	4.050
7											360	4.266	4.266	4.263
8											360	4.498	4.498	4.492
9											360	4.747	4.746	4.739
10											360	4.984	4.982	4.973
11											360	5.239	5.236	5.225
12											360	5.556	5.553	5.539
13											360	5.922	5.918	5.902
14											(*)	(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 24 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	31	30.000	3.000		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	32	30.000	6.000		1.500.000	3.000.000	375.000		1.701		1.701
3	33	30.000	21.000		1.500.000	3.000.000	375.000		19.703		19.703
4	34	30.000	24.000		1.500.000	3.000.000	375.000		41.510		41.510
5	35				1.500.000	3.000.000	375.000		38.821		38.821
6	36				1.500.000	3.000.000	375.000		35.686		35.686
7	37				1.500.000	3.000.000	375.000		32.055		32.055
8	38				1.500.000	3.000.000	375.000		27.933		27.933
9	39				1.500.000	3.000.000	375.000		23.330		23.330
10	40				1.500.000	3.000.000	375.000		18.395		18.395
11	41				1.500.000	3.000.000	375.000		13.104		13.104
12	42				1.500.000	3.000.000	375.000		7.386		7.386
13	43				1.500.000	3.000.000	375.000		1.184		1.184
14	44								(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 25 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3%						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	31	30.000	3.000		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	32	30.000	6.000		1.500.000	3.000.000	375.000		1.701		1.701
3	33	30.000	21.000		1.500.000	3.000.000	375.000		19.703		19.703
4	34	30.000	24.000		1.500.000	3.000.000	375.000		41.510		41.510
5	35				1.500.000	3.000.000	375.000		38.821		38.821
6	36				1.500.000	3.000.000	375.000		35.686		35.686
7	37				1.500.000	3.000.000	375.000		32.055		32.055
8	38				1.500.000	3.000.000	375.000		28.081		28.081
9	39				1.500.000	3.000.000	375.000		23.735		23.735
10	40				1.500.000	3.000.000	375.000		19.018		19.018
11	41				1.500.000	3.000.000	375.000		13.902		13.902
12	42				1.500.000	3.000.000	375.000		8.310		8.310
13	43				1.500.000	3.000.000	375.000		2.180		2.180
14	44								(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,7%						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	31	30.000	3.000		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	32	30.000	6.000		1.500.000	3.000.000	375.000		1.701		1.701
3	33	30.000	21.000		1.500.000	3.000.000	375.000		19.745		19.745
4	34	30.000	24.000		1.500.000	3.000.000	375.000		41.637		41.637
5	35				1.500.000	3.000.000	375.000		39.229		39.229
6	36				1.500.000	3.000.000	375.000		36.552		36.552
7	37				1.500.000	3.000.000	375.000		33.530		33.530
8	38				1.500.000	3.000.000	375.000		30.131		30.131
9	39				1.500.000	3.000.000	375.000		26.320		26.320
10	40				1.500.000	3.000.000	375.000		22.089		22.089
11	41				1.500.000	3.000.000	375.000		17.402		17.402
12	42				1.500.000	3.000.000	375.000		12.171		12.171
13	43				1.500.000	3.000.000	375.000		6.323		6.323
14	44								(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.



Lưu ý:

- 1- Giá trị tài khoản cơ bản, Khoản thưởng duy trì đóng phí và Giá trị tài khoản đóng thêm được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
- 2- Lãi suất dự kiến chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu
- 3- Giá trị tài khoản hợp đồng có liên hệ chặt chẽ với quyền lợi bảo hiểm của khách hàng, khách hàng cần hiểu rõ các quyền lợi trong hợp đồng, thời gian đóng phí dự kiến, các loại chi phí, lãi suất đầu tư và ảnh hưởng của các yếu tố này đến giá trị tài khoản.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 28 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm **Bảo hiểm Liên kết chung An Phúc Trọn Đời Ưu Việt – Quyền lợi bảo hiểm nâng cao** cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

1. Tham gia Hợp đồng Bảo hiểm Liên kết chung An Phúc Trọn Đời Ưu Việt là một cam kết dài hạn. Việc hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
2. Bảng minh họa này là một phần của hợp đồng bảo hiểm và chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang. Bên mua bảo hiểm cần tuân thủ các quy định tại hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và lợi ích khi tham gia bảo hiểm, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin.
3. Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm cơ bản theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả. Việc rút tiền từ GTTK hợp đồng và/hoặc thay đổi kế hoạch đóng phí sẽ làm ảnh hưởng đến GTTK hợp đồng và ảnh hưởng đến hiệu lực hợp đồng.
4. Mức lãi suất dự kiến thể hiện bên trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo. Mức lãi suất thực tế có thể khác với mức lãi suất dự kiến, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/Căn cước công dân/
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty xác nhận dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm **Bảo hiểm Liên kết chung An Phúc Trọn Đời Ưu Việt – Quyền lợi bảo hiểm nâng cao** và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 29 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra